TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số :83/2019/DS-ST
Ngày: 26/4/2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Vũ Hoài Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giang;

Ông Nguyễn Hoa Kiều.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa****: Ông* Nguyễn Vĩnh Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo****:* Lý Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2018/TLST-DS ngày 24/10/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-DS ngày 19/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST - DS ngày 01/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M (Mười M), sinh năm 1963.

Địa chỉ : ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn : Anh Nguyễn Văn B, Sinh năm 1964(vắng mặt) và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày: Vào khoảng năm 2015, anh và vợ chồng anh B, chị T có thỏa thuận miệng với nhau về việc mua bán thức ăn chăn nuôi gà và heo. Theo thỏa thuận giữa hai bên, anh M sẽ cung cấp thức ăn cho phía anh B và chị T cho đến khi anh B và chị T bán gà, heo sẽ thanh toán tiền cho phía anh M.

Đến ngày 08/9/2017, phía anh B và chị T không còn nuôi gà và heo nữa và nợ anh số tiền là 273.663.000đồng. Sau đó, phía anh B và chị T bán heo con cho anh và trừ nợ 12.000.000đồng nên anh B và chị T còn nợ anh số tiền là 261.633.000đồng nhưng anh B và chị T cứ hẹn lần, hẹn lựa và cố tình né tránh anh nên anh chưa thu hồi được nợ. Khi nợ, thì phía chị T có ký xác nhận nợ cho anh.

Do đó, nay anh M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh B và chị T phải trả số tiền là 261.633.000đồng và không yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ.

* Phần trình bày của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B: Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ phía chị T và anh B.

* Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh M có đơn khởi kiện đối với chị T và anh B. Chị T và anh B có địa chỉ tại địa bàn huyện C nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm c khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh M khởi kiện chị T và anh B để tranh chấp đòi tiền nợ mua thức ăn gà và heo. Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa, anh M yêu cầu chị T và anh B phải trả số tiền còn nợ là 261.663.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh M, Hội đồng xét xử nhận định: Giao dịch mua bán giữa anh M và chị T, anh B là có thật. Anh M căn cứ vào xác nhận, thừa nhận nợ ngày 08/9/2017 của chị T đề đòi nợ. Theo đó thể hiện chị T còn nợ anh M số tiền là 273.663.000đồng và anh M đã thừa nhận chị T và anh B đã trả được số tiền là 12.000.000 đồng nên còn lại số tiền nợ là 261.663.000đồng. Do đó, anh M đã có đủ cơ sở chứng M cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với chị T và anh B, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh M nên xem như chị T và anh B đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình và chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của anh M.

[4]. Về nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy, việc xác nhận nợ chỉ có một mình chị T xác nhận nhưng việc mua thức ăn là để chăn nuôi phục vụ chung cho gia đình. Chị T, anh B là vợ chồng nên cần buộc chị T và anh B cùng trả nợ cho anh M.

- Xét về yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Đối với anh B và chị T, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh B và chị T vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B và chị T.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh B và chị T phải chịu án phí DSST.

Anh M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 430 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M.

Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Văn M số tiền nợ là 261.663.000đồng (hai trăm sáu mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày anh M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T và anh B chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng chị T và anh B còn pB trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí DSST:

2.1. Buộc chị T và anh B pB chịu 13.083.150đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Anh M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.541.000đồng theo biên lai thu tiền số 0015276 ngày 23/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh M có quyền kháng cáo, riêng anh B và chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pB thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Vũ Hoài Phương

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H.Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H.Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu .